TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do –Hạnh phúc

Bản án số: 69/2024/HSST

Ngày: 18/03/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tạc - Cán bộ hưu trí

2. Bà H'Hương BKrông – Cán bộ thành đoàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 18/03/2024 tại Hội trường A - Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2024/TLST-HS, ngày 02 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-HS, ngày 04 tháng 03 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ tên: Nguyễn Trung H; Sinh năm: 2003, tại tỉnh V.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Sửa xe máy; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Duy C, sinh năm: 1963; Con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm: 1968. Hiện đều trú tại: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2023 cho đến ngày 31/8/2023, được hủy bỏ biện pháp tạm giam cho gia đình bảo lĩnh. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ tên: Vũ Trần Minh T, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2006, tại tỉnh Đ.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: T6, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Đức M, sinh năm:

1980; Con bà: Trần Thị H, sinh năm: 1982. Hiện đều trú tại: T6, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông Vũ Đức M, sinh năm: 1980; và bà Trần Thị H, sinh năm: 1982 (là bố, mẹ đẻ của bị cáo) (đều có mặt); Địa chỉ: Số 133 đường N, T6, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Phan Thị T- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk bào chữa cho bị cáo Vũ Trần Minh T (có mặt).

3. Họ tên: Khưu Tiểu H (B), sinh ngày 19 tháng 02 năm 2007, tại tỉnh Đ.

Nơi đăng ký HKTT: Số 119 đường P, t7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Số 33/3 đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Khưu Thụy C, sinh năm: 1980; Con bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1978; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông Khưu Thụy C, sinh năm: 1980; Trú tại: 112 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1978; Trú tại: 33/3 đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(là bố, mẹ đẻ của bị cáo) (đều có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị X - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk bào chữa cho bị cáo Khưu Tiểu H (có mặt).

- Bị hại:

1. Cháu Ngô Gia L, sinh ngày: 08/8/2006 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của cháu L: Bà Võ Thị B, sinh năm 1972 (vắng mặt); Đều ở địa chỉ: 162/10 đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Cháu Hoàng Sơn N, sinh ngày: 09/01/2007 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu N: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1980 (vắng mặt); Đều ở địa chỉ: 259D/1 đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Trần Quốc C, sinh ngày: 11/9/2007 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu C: Ông Trần Nam S, sinh năm 1987 (vắng mặt); Đều ở địa chỉ: 32 đường P, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Cháu Đào Xuân P, sinh ngày: 24/12/2007 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu P: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1984 (vắng mặt); Địa chỉ: Buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Cháu Nguyễn Huy P, sinh ngày: 12/9/2007 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu P: Ông Nguyễn Tri P, sinh năm 1974 và bà Tô Thị Cẩm L; Đều ở địa chỉ: T7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đều vắng mặt).

4. Cháu Lê Văn Hoàng P, sinh ngày: 03/5/2006 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu P: Bà Văn Thị Thùy T, sinh năm 1984 (vắng mặt); Đều ở địa chỉ: 197 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

5. Anh Nguyễn Việt H, sinh năm: 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: T1, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

6. Cháu Lê Thị Mỹ L, sinh ngày: 22/3/2007 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu L: Ông Lê Quang H, sinh năm 1977 (vắng mặt); Địa chỉ: T2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

7. Cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày: 15/01/2007 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu T: Bà Lê Thị Kim P, sinh năm 1987 (vắng mặt); Đều ở địa chỉ: 112/10/33 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn với nhau nên nhóm của Ngô Gia L, Hoàng Sơn N hẹn với nhóm của Vũ Trần Minh T, Khưu Tiểu H, Trần Quốc C, Đào Xuân P, Nguyễn Huy P, Lê Văn Hoàng P đánh nhau tại khu vực đường V giao với đường P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, nhóm của T đồng ý. P gọi điện thoại rủ Nguyễn Trung H đi cùng, H đồng ý và gọi điện thoại cho Nguyễn Việt H (có tên gọi khác là B độ) sinh năm 1998, trú tại: T1, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk rủ đi cùng, H đồng ý. H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda AB màu xám (không rõ biển số) chở Lê Thị Mỹ L, sinh năm 2007, trú tại: T2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đến khu vực đường Y, thành phố B gặp H, H điều khiển xe mô tô chở bạn gái (chưa rõ lai lịch) đến gặp nhóm của T gồm: Vũ Trần Minh T, Khưu Tiểu H, Trần Quốc C, Đào Xuân P, Lê Văn Hoàng P, Nguyễn Huy P trước khu vực Ngân hàng K đường P, xã C, thành phố B (gần đoạn giao với đường V). Khoảng 05 phút sau, Ngô Gia L, Hoàng Sơn N cùng một số bạn của L và N đến thì trong nhóm của L và N có người nhận ra H hô lên: *Anh B! Anh B!*, H nói to: "*Xích mích sao, nếu quen biết rồi thì không có đánh nhau, xích mích của ai thì ra nói chuyện giải quyết cho xong*" rồi về. Nghe vậy, P đi ra trước cổng ngân hàng K ngồi, còn P ngồi trên xe. H hỏi P ai là người

gây sự thì P chỉ L và N, H nói: "*Mày xuống xe đi với tao*" rồi nói H chở L xuống cuối đường T trước. Lúc này, H và P dùng tay kẹp cổ, bắt L lên xe mô tô biển số 47B2 - 389.29 còn T và C dùng tay kẹp cổ, bắt N lên xe mô tô biển số 47B2 - 747.47, H nói "*Cho hai thằng này lên xe, chở xuống cuối đường T*". Khi H chở L và P; C chở N và T đi đến trước số nhà 480 đường T, thành phố B gặp H. Tại đây, H nói L và N "*cởi đồ ra mày*", thì T, P, C, H chửi, ép L và N cởi đồ nhưng L và N không chịu, T dùng chân đá vào mông của N còn C dùng tay đánh thêm một cái vào gáy N, thấy vậy L và N cởi áo khoác ngoài và áo trong ra để dưới đất, H nói "*cởi cả quần ra mày",* L và N không chịu thì T, H, P, C, P chửi nên L và N cởi quần dài chỉ mặc mỗi quần lót rồi nói đi đến gần mương nước đứng, H nói "*H ! H bắt bọn nó xuống mò ốc, thằng nào bắt đủ một ký thì mới cho lên*", nghe vậy H nói "*Ừ đúng rồi, hai thằng mày mò đủ một ký thì tao mới cho về*". Khi N và L xuống mương nước bắt ốc thì H gọi Video call cho Lê Ngọc V, sinh năm 1999, trú tại: T 9, phường T, thành phố B xong thì H nói với H "*thôi dọa bọn này vậy được rồi anh, giờ cho nó ngồi xuống cho ướt người rồi cho nó về*", H nói "*Ừ thì tùy em quyết định đi*". H đi ra nói "*Bọn mày ngồi xuống ướt hết người đi rồi tao cho về*". Cùng lúc này, P và P đi mua thuốc, nước về có K (bạn của L và N) không rõ lai lịch xin thì H nói cả nhóm cho L và N lên. L và N mặc lại đồ rồi tất cả đi về. Sau đó, L và N kể lại sự việc cho gia đình và trình báo đến Cơ quan Công an thành phố B.

Tại bản cáo trạng số: 57/CT-VKS ngày 01/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Trung H, Vũ Trần Minh T và Khưu Tiểu H về tội "Bắt người trái pháp luật" theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Trung H, Vũ Trần Minh T và Khưu Tiểu H về tội "Bắt người trái pháp luật" theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự, như nội dung bản Cáo trạng số: 57/CT-VKS ngày 01/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Trung H, Vũ Trần Minh T và Khưu Tiểu H phạm tội "Bắt người trái pháp luật"

Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 157; Các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

1. Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Trung H** mức án từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 60 đến 72 tháng tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 157; Các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 65, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

2. Xử phạt: Bị cáo **Vũ Trần Minh T** mức án từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.Thời gian thử thách từ 48 đến 54 tháng tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 157; Các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 65, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

2. Xử phạt: Bị cáo **Khưu Tiểu H** mức án từ 24 đến 30 tháng nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 48 đến 54 tháng tính từ ngày tuyên án.

**/ Các biện pháp tư pháp:* Căn cứ Điều 46, 48 Bộ luật hình sự.

- *Về phần xử lý vật chứng:* Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, dung lượng 256GB, số Imei: 357061227873750, bị cáo Vũ Trần Minh T cho C mượn quay clip. Qua làm việc, bị cáo T khai nhận chiếc điện thoại trên là của mẹ bị cáo tên Trần Thị H, sinh năm: 1982, trú tại: T6, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là chủ sở hữu và qua làm việc với bà H, bà H cho T mượn điện thoại để liên lạc và không biết sự việc trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc điện thoại trên cho bà H nhận quản lý và sử dụng.

- *Về phần trách nhiệm dân sự:* Các bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo Vũ Trần Minh T cơ bản nhất trí với bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B về tội danh, điều luật áp dụng và quan điểm giải quyết vụ án. Tuy nhiên Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo T mức án từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo là có phần nghiêm khắc đối với bị cáo. Bởi lẽ các bị cáo phạm tội với đồng phạm giản đơn, bị cáo không phải là người khởi xướng, rủ rê, bị cáo chỉ bộc phát phạm tội. Sau khi phạm tội, bị cáo và gia đình bị cáo đã thăm hỏi và xin lỗi người bị hại, gia đình người bị hại, được bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra khi phạm tội bị cáo mới có 17 tuổi 14 ngày. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị và cho bị cáo được hưởng án treo.

Về phần trách nhiệm dân sự: Bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bồi thường gì.

Người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo Khưu Tiểu H cơ bản nhất trí với bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B về tội danh, điều luật áp dụng và quan điểm giải quyết vụ án. Tuy nhiên đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo mức án từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo là có phần nghiêm khắc đối với bị cáo. Bởi lẽ các bị cáo phạm tội với đồng phạm giản đơn, bị cáo không phải là người khởi xướng, rủ rê, bị cáo chỉ bộc phát phạm tội. Sau khi phạm tội, bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo đã thăm hỏi và xin lỗi người bị hại, gia đình bị hại, được bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Mặt khác khi phạm tội bị cáo mới có 16 tuổi 19 ngày. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là dân tộc Hoa, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị và cho bị cáo được hưởng án treo.

Về phần trách nhiệm dân sự: Bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo T, bị cáo H đồng ý với lời bào chữa, không bổ sung gì thêm và không tham gia tranh luận gì khác chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo T và bị cáo H thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không xuất trình thêm chứng cứ tài liệu gì, các bị cáo cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người bào chữa thực hiện trong quá trình điều tra đã thực hiện đều đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà.

Như vậy đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Trung H, Vũ Trần Minh T và Khưu Tiểu H đã phạm tội: "Bắt người trái pháp luật". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 157 của Bộ luật hình sự.

Điều 157 Bộ luật hình sự quy định:

1.Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

đ) Đối với 02 người trở lên;

e) Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ;

...

Xét hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ quyền bất khả xâm phạm về thân thể của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái phép đều bị xử lý theo quy định của pháp luật. Mặc dù giữa các bị cáo không có sự bàn bạc thống nhất với nhau về việc bắt giữ L và N, nhưng vào khoảng 23 giờ 05 phút ngày 08/3/2023, trước khu vực Ngân hàng K ở đường P, xã C, thành phố B (gần đoạn giao với đường V) thuộc t2, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nguyễn Trung H, Vũ Trần Minh T, Khưu Tiểu H, Trần Quốc C, Đào Xuân P có hành vi bắt Ngô Gia L, Hoàng Sơn N (là người dưới 18 tuổi) đưa đến khu vực mương nước trước số nhà 480 đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ép L, N cởi đồ xuống mương nước bắt ốc. Tuy nhiên, tại thời điểm phạm tội Trần Quốc C, Đào Xuân P dưới 16 tuổi nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Xét thấy H, T và H không có thẩm quyền bắt người nhưng các bị cáo đã đánh và uy hiếp tinh thần của anh L và Nguyên bắt L và N đi trái với ý muốn của anh L và N. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra.

Trong vụ án có 03 bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo khác nhau nên cần phân hóa vai trò của từng bị cáo để áp dụng hình phạt cho phù hợp cụ thể:

Đối với bị cáo Nguyễn Trung H dùng tay đập vào đầu đang đội mũ bảo hiểm của L và nói "Cho hai thằng này lên xe, chở xuống cuối đường T" do L không lên nên H quát "mày có lên xe không" thì L mới chịu lên xe để Tiểu H và P chở đi đến cuối đường T đến khu vực có mương nước thì dừng lại và H là người nói "cởi đồ ra mày" do nhóm của H đông nên L và N sợ cởi áo khoác ngoài và áo trong ra để dưới đất và H cũng là người nói L và N "cởi cả quần ra mày" và H bắt L và N cùng bắt ốc.

Còn đối với T và H dùng xe chở L và N đi. T dùng chân phải đá 01 cái trúng mông của N. Tuy các bị cáo không có sự bàn bạc nhưng các bị cáo đã thực hiện hành vi trái với ý muốn của anh L và anh N. Do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do mình gây ra.

Vì vậy Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở xác định bị cáo H, T và bị cáo H phạm tội Bắt người trái pháp luật. Vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do

mình gây ra và mức hình phạt của bị cáo H sẽ cao hơn mức hình phạt của bị cáo T và bị cáo H.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét về nhân thân của các bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt. Khi phạm tội bị cáo T và H đều ở độ tuổi vị thành niên. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội các bị cáo đã tác động với gia đình xin lỗi người bị hại, người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bị cáo H là người dân tộc Hoa. Vì vậy, cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Vũ Trần Minh T và Khưu Tiểu H là người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi do vậy các bị cáo chỉ phải chịu mức hình phạt bằng ¾ người đủ 18 tuổi phạm tội được áp dụng tại khoản 6 Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Vì vậy cần xem xét áp dụng cho các bị cáo các tình tiết nêu trên trong khi lượng hình để giảm nhẹ một phần hình phạt, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật nhà nước.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục các bị cáo là đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội về sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Huy P, Lê Văn Hoàng P không tham gia vào việc bắt L và N. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không đề cập xử lý đối P và Ph là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với hành vi ép L, N cởi đồ chỉ mặc quần lót xuống mương nước bắt ốc của H, T, H, C, P, Ph, H. Quá trình điều tra L và N cùng gia đình có đơn bãi nại, không yêu cầu xử lý hình sự đối với hành vi Làm nhục người khác theo quy định tại Điều 155 Bộ luật hình sự nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự. Tuy nhiên, Nguyễn Trung H, Vũ Trần Minh T, Đào Xuân P, Khưu Tiểu H, Trần Quốc C, Lê Văn Hoàng P, Nguyễn Việt H có hành vi bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của người khác. Do đó, Cơ quan điều tra chuyển hồ sơ đến Công an thành phố B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền theo quy định tại điểm a khoản 3, Điều 7 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP của Chính phủ là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với hành vi dùng tay, chân đá vào người L, N của bị cáo Nguyễn Trung H, Vũ Trần Minh T, Trần Quốc C nhưng không gây thương tích nên không cấu thành tội phạm. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không đề cập xử lý là phù hợp và chuyển đến Công an thành phố B ra quyết định xử phạt vi

phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội là phù hợp theo điểm a, khoản 5 Điều 7 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với Nguyễn Việt H (có tên gọi khác là Bin Đ). Quá trình điều tra, xác minh tại thời điểm bắt L và N, H đi đến trước khu vực cuối đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên không đồng phạm về hành vi bắt người trái pháp luật nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với người nữ giới (bạn gái của H). Quá trình điều tra vẫn chưa xác minh được nhân thân, lai lịch. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra tách ra khỏi vụ án để xác minh, điều tra làm rõ xử lý sau là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với Lê Thị Mỹ L (bạn gái của H) đi cùng H nhưng không tham gia vào việc bắt L và N. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với Lê Ngọc V, là người H gọi Video call khoe việc L và N xuống mương nước. Quá trình điều tra, V không liên quan và cũng không tham gia vào việc bắt người trái pháp luật. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha màu đỏ đen bạc, biển số 47B2 - 747.47 là phương tiện Trần Quốc C sử dụng tham gia việc bắt người trái pháp luật. Qua phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, chiếc xe trên do chị Trần Thị Phượng L, sinh năm: 1991; trú ở t11, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (dì ruột của C) đứng tên đăng ký chủ sở hữu và không biết việc C sử dụng chiếc xe trên tham gia vụ việc trên. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cấp xử lý đối với chị L và chiếc xe là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda Air Blade màu đỏ đen, biển số 47B2 - 389.29 là phương tiện Đào Xuân P sử dụng tham gia việc bắt người trái pháp luật. Qua phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, chiếc xe trên do anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1998, trú tại: T8, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đứng tên đăng ký chủ sở hữu và qua làm việc anh C khai nhận vào tháng 3 năm 2023, anh có cho bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1984, trú ở: Buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk mượn chiếc xe đến giữa tháng 3 năm 2023 trả lại. Ngày 08/3/2023, con trai bà P là Đào Xuân P sử dụng phạm tội bà P không biết. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý đối với anh C, bà P và chiếc xe là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với xe mô tô hiệu Honda Wave màu xanh đen, biển số 47B2-843.63, Lê Văn Hoàng P chở Nguyễn Huy Ph vào tối ngày 08/3/2023. Qua phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ chiếc xe trên do anh Vũ Đức M, sinh năm: 1980, trú ở: T6, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (bố ruột bị cáo Vũ Trần Minh T)

đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Anh M hoàn toàn không biết việc bị cáo T đưa xe cho P chở Ph tham gia việc bắt người trái pháp luật. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý đối với anh M và chiếc xe là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda AB, màu xám, không rõ biển số. Quá trình làm việc, H khai chiếc xe trên của khách mang đến tiệm sửa và chưa lấy. Ngày 08/3/2023, H sử dụng chiếc xe trên phạm tội. Sau đó khách đến lấy xe (H không biết nhân thân lai lịch người này). Do chưa xác minh được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tách ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh xử lý sau là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] *Các biện pháp tư pháp*: Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về phần xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, dung lượng 256GB, số Imei: 357061227873750, bị cáo Vũ Trần Minh T cho C mượn quay clip. Bị cáo T khai nhận chiếc điện thoại trên là của mẹ bị cáo tên Trần Thị H, sinh năm: 1982, trú tại: T6, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là chủ sở hữu và qua làm việc với bà H, bà H cho T mượn điện thoại để liên lạc và không biết sự việc trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc điện thoại trên cho bà Hồng nhận quản lý và sử dụng là phù hợp nên cần chấp nhận.

Về phần trách nhiệm dân sự: Các bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Trung H, Vũ Trần Minh T và Khưu Tiểu H phạm tội "Bắt người trái pháp luật".

Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 157; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

1.Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Trung H** 02 (Hai) năm 6 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 5 năm tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 157; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự.

2.Xử phạt: Bị cáo **Vũ Trần Minh T** 01 (một) năm 9 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 42 tháng tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 157; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự.

3.Xử phạt: Bị cáo **Khưu Tiểu H** 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 42 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Trung H cho Uỷ ban nhân dân xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, Vũ Trần Minh T và Khưu Tiểu H cho Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục bị cáo. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Uỷ ban nhân dân xã, phường để giám sát, giáo dục các bị cáo trong suốt thời gian thử thách. Nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

**/ Các biện pháp tư pháp:* Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- *Về phần xử lý vật chứng:* Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, dung lượng 256GB, số Imei: 357061227873750 (do bị cáo Vũ Trần Minh T cho C mượn quay clip) bà H cho T mượn điện thoại để liên lạc và không biết sự việc trên nên trả cho bà Trần Thị H là chủ sở hữu nhận quản lý, sử dụng.

- *Về phần trách nhiệm dân sự:* Các bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Trung H, Vũ Trần Minh T và Khưu Tiểu H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**** Nơi nhận:***
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. B;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh